Dinh Nghiep trong Phat Giao - 07

Định Nghiệp Trong Phật Giáo

Dinh Nghiep trong Phat Giao - 07

Vietnamese, with Unicode Times font

ĐỊNH NGHIỆP TRONG PHẬT GIÁO

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN SIÊU

PL. 2544 - TL. 2000

[07]

THÁI ĐỘ CẦN CÓ KHI ĐỌC KINH PHẬT

-ooOoo-

S ự phân chia bộ phái Đại Tiểu thừa nếu có lợi về mặt phát huy đạo lý đến chỗ có hệ thống tinh vi thì cũng đã gây ra không ít sự câu nệ sai lầm làm trở ngại, thiệt thòi cho một số người tham học toàn bộ kinh giáo Phật đà. Thật vậy, có những người chỉ quan tâm đọc kinh này mà lơ là với kinh kia vì cho là Tiểu thừa, hay có người chỉ quan tâm đọc kinh kia mà hờ hững với kinh này vì cho là Đại thừa. Nhưng sự thật nếu đứng ra ngoài thiên kiến đã gây nên bởi căn tính, địa phương, thời đại, tập truyền đó, thì ai cũng nhận thái độ trên là thái độ chấp nê không lưu hoạt, tưởng làm như thế là hiểu đúng Phật pháp, nắm được ý Phật, không ngờ làm như thế sẽ không hiểu trọn Phật pháp, không nắm được ý Phật, vì như chúng ta đã hiểu Phật pháp là Phật pháp, Phật pháp không có đại tiểu. Phật pháp nhất vị.

Trong thiên kinh vạn quyển ở đâu lại thiếu những nguyên lý Vô thường, Vô ngã, Giải thoát, Niết-bàn, ở đâu lại thiếu Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Bát chánh đạo...? Nếu gạt bỏ những nguyên lý ấy để chỉ chấp nhận một điều là kinh này kinh kia có lịch sử kết tập chứng minh hay không thì tưởng cũng là một việc làm sai lệch và ép uổng! Nhất là ở những thời đại xưa, người tu hành chú trọng đến giáo lý, đến sự tu chứng hơn là chú trọng lịch sử. Vì quan niệm lịch sử là lịch sử, lịch sử chỉ là xác chết mà giáo lý mới là phần linh hoạt, là tinh thần sống động biến hóa nẩy nở luôn. Giáo lý mới giúp cho con người giác ngộ.

Sau khi nghe tụng kinh Kim cang, ngài Lục tổ Huệ Năng đã chứng ngộ và nói một câu rất siêu việt: "con người có nam bắc, chứ Phật tánh không bắc nam", như thế là giác ngộ, nhờ giáo lý. Với câu nói đó nếu được đem áp dụng vào việc nghiên cứu kinh điển thì tự nhiên chúng ta biết rõ điều gì đáng thủ, điều gì đáng xả, để đi sâu vào tinh thần chung của Phật giáo mà cái quan niệm Đại thừa Tiểu thừa không làm cách ngại được.

Cái tinh thần chung của Phật ấy là gì? Là tinh thần dắt dẫn, khuyến hóa chúng sanh biến đổi điều dữ ra điều lành, mê ra ngộ, khổ ra vui trong cảnh giải thoát Niết-bàn. Vậy bất cứ là kinh nào trong Tam tạng, dù mỗi kinh với mỗi sự trình bày khác nhau, nhưng nếu nhận có tinh thần giải thoát, có mục đích Niết-bàn trong đó tức chúng ta phải đem

hết tinh thần khoáng đạt mà cố công tham cứu và học hỏi, không vì cớ kinh này nói Niết-bàn với các tính đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, còn kinh kia nói Niết-bàn mà không kèm theo các đức tính đó rồi phê phán kinh này là đại, kinh kia là tiểu. Không, Niết-bàn tự nó đã là cứu đích giải thoát an lạc, vô ngại tuyệt đối, dù có cắt nghĩa Niết-bàn theo mặt tiêu cực hay tích cực Niết-bàn cũng không vì đó mà giảm giá trị không còn là mục đích của đạo Phật, của người tu Phật, và đức Phật đã không khuyên chúng ta phải tinh tiến để đạt Niết-bàn.

Cái tinh thần khoáng đạt cần thiết trên sẽ giúp cho chúng ta tham học kinh điển được nhiều lợi ích, chúng ta sẽ đọc từ kinh này đến kinh khác mà không có gì là vướng ngại, thắc mắc.

Bây giờ đến lượt chúng ta đọc kinh A Hàm. Đây là bộ kinh được xem phổ cập sớm nhất trong lịch sử truyền giáo của Ấn Độ và hiện nay vẫn thịnh hành tại các nước Phật giáo mà Tăng già sống theo thể chế khất thực. Ở các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam v.v... thường gọi là các nước theo Phật giáo Đại thừa, thì kinh này ít được phổ cập, nhưng những ai muốn hiểu trọn tinh thần Phật giáo đã không quên những giáo lý thâm trầm được gói ghép trong các lời lẽ giản dị mà A Hàm là kinh trọng yếu nhất có tính cách đó.

Nếu không chỉ vì tìm hiểu triết lý siêu huyền, lý luận xa xôi, thì đọc A Hàm ai mà không cảm kích trước những lời dạy nồng hậu thuần khiết và cách thức giáo hóa của Phật đối với đương thời. Đây, chúng ta thử đọc một đoạn Phật thuật lại đại nguyện độ sanh của Ngài:

"Này các Tỷ-kheo! Ta nhớ xưa kia đã không biết bao nhiêu lần, Ta thường qua lại, nói năng với hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, chư thiên... Nhờ định lực và tiên tiến mà nơi nào ta hiện đến, họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn, họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn, họ từ bỏ Ta mà lui, Ta không từ bỏ họ, điều họ nói được Ta cũng nói được, điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Sau khi đã thuyết pháp dạy điều ích lợi, vui mừng cho họ, Ta ẩn đi chỗ khác, mà họ chẳng biết Ta là trời hay là người".

Xem đó thì Phật đã hóa độ chúng sanh trong nhiều kiếp trước và kiếp sau, chớ không phải chỉ một đời của đức Thích Ca tại cõi Ta bà này. Và biết đâu chúng ta đã không một lần nhờ duyên lành nghe Ngài thuyết pháp mà vì u mê không nhận ra Ngài là ai, để rồi ngày nay cứ mãi tìm Phật.

Tiếp đến đoạn này lại thấy phảng phất một đạo lý khác, đạo lý: "Hết thảy chúng sanh đều có tính Phật" mà chúng ta thường gặp ở các kinh:

"Ta dùng Phật nhãn xem thấy thế giới chúng sanh, có kẻ nghiệp chướng sâu dầy, có kẻ nghiệp chướng cạn mỏng, có kẻ căn tánh lanh lợi, có kẻ căn tính chậm lụt, có kẻ dễ khai hóa, có kẻ khó khai hóa. Kẻ dễ khái hóa vì biết sợ tội lỗi kiếp sau nên gắng lo bỏ điều ác làm điều lành. Họ như các hoa sen xanh vàng đỏ trắng, có cái lên khỏi bùn mà chưa đến mặt nước, có cái lên ngang mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị nước dính bẩn và đều nở ra được cả. Các loại chúng sanh cũng như thế".

Thật là một lời dạy đầy khích lệ tinh thần tiến giác, nâng cao giá trị con người biết bao. Nếu càng đọc nhiều, chúng ta càng nhận thấy qua lời dạy bình dị như thế, cái tinh thần từ bi, bình đẳng, thực tế, bất mê tín... được bộc lộ đầy đủ, cũng như lối ứng cơ thuyết pháp rất khéo léo của Phật. đối với căn cơ tu tại gia thì chỉ dạy pháp tại gia, đối với căn cơ tu xuất gia mới dạy pháp xuất gia. Không mang thuốc này trị cho bệnh kia để phải gây thiệt thòi cho người bệnh.

Để ý thức đầy đủ sự ích lợi khi đọc kinh A Hàm, ở đây tôi nhắc lại mấy điểm của nhà học giả Lương Khải Siêu đã ghi:

1. A Hàm là bộ kinh được thành lập sớm nhất với hình thức kiết tập công cộng (khác với những kinh kiết tập ở địa phương), do đó, tuy không dám nói nó ghi chưa trọn lời Phật dạy nhưng chắc chắn nó là bộ phận trọng yếu đã ghi lời Phật dạy.

2. Đại bộ phận kinh Phật là tác phẩm văn học. A Hàm tuy không thể sánh kịp các kinh khác về mặt này song chắc chắn nó gần với lý thuyết chân thật hơn. Do đó, không dám nói mỗi câu mỗi chữ trong A Hàm toàn đúng hẳn lời Phật dạy lúc tại thế, (bút tích ngôn giáo nào khỏi nạn tam sao thất bổn) nhưng hẳn nó hàm chứa được đa phần lời Phật dạy hơn.

3. A Hàm hẳn có cái thể tài của một tập sách "Ngôn-hạnh-lực", tính chất giống như sách luận ngữ của Khổng giáo. Nên nếu ai muốn thể nghiệm nhân cách cao thượng của đức Thích Tôn mà không đọc A Hàm thì không làm sao đạt được.

4. Các giáo lý căn bản của Phật giáo như Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Ngũ uẩn giai không, Nghiệp cảm luân hồi, Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo v.v... đều có thuyết minh ở A Hàm. Nếu đối những giáo lý này không có trước một quan niệm minh xác thì rất dễ lạc lối trong khi nghiên cứu kinh luận Đại thừa. Đọc A Hàm chúng ta càng hiểu thêm những giáo lý này Phật đã dạy trong các trường hợp nào nữa.

5. A Hàm chẳng những không xung đột với kinh Đại thừa, trái lại còn chứa nhiều ý nghĩa căn bản của Đại thừa.

6. A Hàm thuật đến tình hình xã hội Ấn Độ thời bấy giờ rất nhiều. Có đọc nó chúng ta mới cảm thông nỗi khổ tâm ứng cơ khai hóa của Phật trong một hoàn cảnh khó khăn biết chừng nào!

Tuy nhiên, bên bao nhiêu cái hay, cái quí đó không khỏi kèm theo điều đáng tiếc, đã làm cho kinh A Hàm không phổ cập sâu rộng ở các nước theo Phật giáo Đại thừa, không được nhiều người ham đọc! Và đây lại mấy lý do khác chúng ta phải đồng ý với ông Lương Khải Siêu:

1. Quyển điệt quá nhiều. Nói kinh A Hàm tức là nói 4 bộ A Hàm là Tăng Nhất A Hàm, Trung A Hàm, Trường A Hàm và Tạp A Hàm (Anguttara Agama, Majjhima Agama, Digha Agama, Samyutta Agama), theo tạng Pali là Tăng chi bộ kinh, Trung bộ kinh, Trường bộ kinh, Tương ưng bộ kinh và Tiểu bộ kinh. Mỗi bộ A Hàm ấy có tính cách là một tòng thư góp nhiều kinh (bài thuyết pháp) lại tạo thành, trong đó kinh trước kinh sau không liên lạc chặt chẽ như ở các bộ khác. Có bộ gồm 30 kinh như Trường A Hàm,

gồm 222 kinh như Trung A Hàm, gồm 72 kinh như Tăng nhất A Hàm, lại có bộ gồm tới 1.200, 1.300 kinh như Tạp A Hàm.

2. Chương thiên trùng lặp. Có những kinh ở bộ này có ở 3 bộ kia cũng có. Hoặc một kinh mà có tới 3, 4 lần trùng trong một bộ, tuy văn cú hơi khác đôi chút.

3. Từ ngữ trùng lặp. Nhiều khi chỉ một chuyện, một câu nói mà nhắc đi nhắc lại nhiều lần từ khi mới suy nghĩ, rồi phát ra ở miệng người hỏi, nhắc lại ở miệng người trả lời... thật là phiền phức! Như tuồng ngữ pháp Ấn Độ thời xưa là thế? Nên hễ đọc sơ ý một chút là khó nhận ra câu nào chính, câu nào phụ.

4. Văn dịch chữ Hán do các cao tăng Ấn Độ, Tây Vức dịch quá xưa, lủng củng, các thuật ngữ dùng không xác đáng thành rất khó lãnh hội cho những ai không kiên chí.

Tuy nhiên ở một phương diện khác, chúng ta hiểu rằng Phật khai hóa cho chúng sanh tỉnh thức giác ngộ chứ không cốt văn chương, nên một câu nói được nói đi lặp lại nhiều lần, nhắc đi nhắc lại nhiều nơi, để cho chúng sanh nghe, nhớ, thấm vào lòng, hầu chuyển cái mê thành cái ngộ mới thôi.

Bấy nhiêu ý kiến thô sơ, tôi xin nêu ra để hiến quí vị sẵn có lòng hoan hỷ muốn học hỏi, nghiên cứu toàn diện giáo lý Phật đà mà không bỏ qua các kinh sách chính yếu và tiên khởi.

-ooOoo-

Đầu trang | 01
| 02 | 03
| 04 | 05
| 06 | 07 | 08
| 09 | 10
| 11 | 12
| 13 | 14
| 15 | Mục lục
[Trở về trang Thư Mục]

updated: 19-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.